

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-SYT

Quảng Bình, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH

**Xét tuyển viên chức Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
và Trung tâm Y tế thị xã Ba Đồn**
(Hoàn chỉnh sau khi Sở Nội vụ thẩm định)

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

1. Căn cứ pháp lý:

Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.

Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, Bác sĩ y học dự phòng, y sĩ.

Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y.

Thông tư 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ Tài chính về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

Thông tư số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

Thông tư số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số;

Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ thông tin và truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

Công văn số 3755/BGDĐT-GDTH ngày 3/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 6089/BGDĐT-GDTH ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2374/SGDĐT-TCCB ngày 18/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ.

Quyết định số 43/QĐ-SNV ngày 10/03/2020 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Quyết định số 249/QĐ-SNV ngày 31/12/2019 của Sở Nội vụ về việc giao biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/NĐ-CP của Chính phủ năm 2020.

Quyết định số 334/QĐ-SYT ngày 18/5/2020 của Sở Y tế về phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Y tế thị xã Ba Đồn, giai đoạn 2018 - 2021.

Quyết định số 514/QĐ-SYT ngày 17/7/2020 của Sở Y tế về phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, giai đoạn 2018 - 2021.

Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Công văn số 927/SNV-CCVC ngày 13/7/2018 của Sở Nội vụ về việc tăng cường công tác tuyển dụng viên chức.

Căn cứ Kế hoạch số 2031/KH-SYT ngày 14/8/2020 của Sở Y tế về việc xét tuyển viên chức Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Trung tâm Y tế thị xã Ba Đồn; Công văn số 1079/SNV-CBCCVC ngày 01/9/2020 của Sở Nội vụ về việc

thẩm định Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2020 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Trung tâm Y tế thị xã Ba Đồn trực thuộc Sở Y tế.

Căn cứ các văn bản quy định hiện hành về xét tuyển viên chức.

2. Căn cứ thực tiễn:

Căn cứ tình hình biên chế; vị trí việc làm; cơ cấu chức danh, cơ cấu bộ phận và khả năng tài chính của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Trung tâm Y tế thị xã Ba Đồn.

Theo đề xuất của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tại Tờ trình số 1678/TTr-KSBT ngày 20/7/2020 và của Trung tâm Y tế thị xã Ba Đồn tại Tờ trình số 191/TTr-TTYT ngày 07/8/2020.

II. Nội dung kế hoạch

1. Chỉ tiêu, hình thức tuyển dụng:

- Chỉ tiêu tuyển dụng: 27 chỉ tiêu

Trong đó:

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 13 chỉ tiêu (08 viên chức sự nghiệp; 05 viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp).

+ Trung tâm Y tế thị xã Ba Đồn: 14 chỉ tiêu (11 viên chức sự nghiệp; 03 viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp).

Cụ thể: *Có phụ lục 1A và Phụ lục 1B đính kèm*

- Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển.

2. Vị trí việc làm cần xét tuyển: 26 vị trí

2.1. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các vị trí đăng ký dự tuyển:

(Có biểu phụ lục số 2 đính kèm).

2.2. Trình độ ngoại ngữ tại kế hoạch này

2.2.1. Đối với chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương.

a) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam .

Hoặc có một trong các trình độ sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học về ngoại ngữ.

- Có một trong các trình độ TOEFL, IELTS, TOEIC (đang trong thời hạn sử dụng theo quy định): Được cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền quy đổi hoặc xác nhận trình độ tương đương trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b) Trường hợp chưa bảo đảm các quy định về trình độ ngoại ngữ điểm a của mục này thì người dự tuyển phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc trình độ C theo Quyết định 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B, trình độ C phải được cấp trước ngày 15/01/2020.

2.2.2. Đối với chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương.

a) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam .

Hoặc có một trong các trình độ sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học về ngoại ngữ.
- Có một trong các trình độ TOEFL, IELTS, TOEIC (đang trong thời hạn sử dụng theo quy định): Được cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền quy đổi hoặc xác nhận trình độ tương đương trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b) Trường hợp chưa bảo đảm các quy định về trình độ ngoại ngữ điểm a của mục này thì người dự tuyển phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A hoặc trình độ B hoặc trình độ C theo Quyết định 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A, trình độ B, trình độ C phải được cấp trước ngày 15/01/2020.

2.3. Trình độ tin học tại kế hoạch này:

a) Người dự tuyển phải có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên (Có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau: Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao; Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học ngành hoặc chuyên ngành Công nghệ thông tin).

b) Trong trường hợp chưa có đạt trình độ tin học theo quy định điểm a mục này thì người dự tuyển chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương phải có chứng chỉ tin học trình độ B hoặc trình độ C; người dự tuyển chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương phải có chứng chỉ tin học trình độ A hoặc trình độ B hoặc trình độ C. Các chứng chỉ tin học trình độ A, B, C được cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 11/8/2016.

3. Nội dung xét tuyển

3.1. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét tuyển

- Người đăng ký xét tuyển viên chức phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí cần tuyển và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức và điều kiện của đơn vị đăng ký dự tuyển:

- + Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- + Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- + Có đơn đăng ký dự tuyển;
- + Có lý lịch rõ ràng;
- + Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- + Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Những người sau đây không thuộc đối tượng đăng ký xét tuyển viên chức:
 - + Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - + Đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2. Phiếu đăng ký dự tuyển và Hồ sơ dự tuyển:

- Phiếu đăng ký dự tuyển:

Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ. *(Có mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển kèm theo)*

- Hồ sơ dự tuyển:

Hồ sơ dự tuyển viên chức nộp hoàn thiện tại Sở Y tế sau khi có thông báo kết quả trúng tuyển. Thành phần hồ sơ như sau:

- + Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng;
- + Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện được cấp chứng nhận sức khỏe theo quy định hiện hành;
- + Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

* Lưu ý: Các bản sao văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ưu tiên và giấy tờ khác phải kèm theo bản chính để đối chiếu theo quy định.

- Số lượng hồ sơ dự tuyển: 01 bộ hồ sơ/ thí sinh dự tuyển
- Hồ sơ dự tuyển được đựng trong phong bì cỡ 22cmx32cm

3.3. Quy định đăng ký nguyện vọng dự tuyển.

Một thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển tại một vị trí việc làm.

3.4. Lệ phí đăng ký xét tuyển:

Theo quy định Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xét tuyển, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

3.5. Thời gian, thời hạn và địa điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển:

- Thời gian dự kiến: Quý III và Quý IV năm 2020
- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức tại Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của Sở Y tế hoặc gửi theo đường bưu chính. Vào lúc 17h00 của ngày cuối cùng trong thời hạn thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển lập biên bản tổng hợp số lượng Phiếu đăng ký dự tuyển qua nhận trực tiếp và đường bưu chính. (Đối với Phiếu đăng ký dự tuyển nộp qua đường bưu chính: Thời gian nộp Phiếu đăng ký dự tuyển là thời gian trên dấu tiếp nhận văn bản đến của Văn thư Sở Y tế).

- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Sở Y tế tỉnh Quảng Bình (Địa chỉ: Số 2, đường Hồ Xuân Hương, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình).

3.6. Nội dung và hình thức xét tuyển viên chức

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

3.6.1. Vòng 1

Hội đồng xét tuyển kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, phải thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2; thông báo phải nêu cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức phỏng vấn.

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức xét vòng 2.

3.6.2. Vòng 2

a) Thực hiện kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

b) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3.7. Nội dung ôn tập để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 của kỳ xét tuyển.

Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, phải thông báo cụ thể nội dung ôn tập cho thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng 2.

Căn cứ tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, Hội đồng xét tuyển thống nhất nội dung ôn tập cụ thể của từng vị trí dự tuyển và thông báo bằng văn bản đến người dự tuyển theo quy định.

3.8. Xác định người trúng tuyển.

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm phỏng vấn quy định vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được xét tuyển của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn quy định tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần xét tuyển thì người có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tuyển viên chức quyết định người trúng tuyển.

c) Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo quy định.

d) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

3.9. Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển viên chức:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2.

3.10. Hội đồng xét tuyển

- Hội đồng xét tuyển được thành lập theo quy định Khoản 2 Điều 6 Nghị định 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ về xét tuyển, sử dụng và quản lý viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

- Hội đồng xét tuyển làm việc theo nguyên tắc, nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hội đồng xét tuyển viên chức thành lập các Ban giúp việc gồm: Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban Kiểm tra sát hạch và các tổ giúp việc khác để triển khai các hoạt động của Hội đồng.

3.11. Các nội dung khác

Thực hiện các nội dung khác của quy trình xét tuyển viên chức theo các văn bản quy định hiện hành.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sau 10 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch này, nếu Sở Nội vụ không có ý kiến thì Sở Y tế thực hiện đăng tải thông báo xét tuyển 01 lần trên Báo Quảng Bình; đăng tải trên Trang thông tin điện tử Quảng Bình và Trang thông tin điện

tử Sở Y tế Quảng Bình; niêm yết tại trụ sở làm việc của Sở Y tế và triển khai quy trình xét tuyển viên chức theo quy định.

2. Thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong thời hạn 30 ngày.

3. Thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức, Ban Giám sát theo quy định. Hội đồng xét tuyển được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Y tế trong các hoạt động của Hội đồng. Ban Giám sát được sử dụng con dấu của Sở Y tế trong các hoạt động của Ban Giám sát.

4. Hội đồng xét tuyển viên chức triển khai thực hiện xét tuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt, Luật viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

5. Hội đồng xét tuyển viên chức trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt kết quả xét tuyển sau khi kết thúc công tác phỏng vấn tại vòng 2 theo thời gian quy định.

6. Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Giám đốc Trung tâm Y tế thị xã Ba Đồn căn cứ quyết định phê duyệt kết quả xét tuyển của Sở Y tế để thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ và ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch xét tuyển viên chức Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Trung tâm Y tế thị xã Ba Đồn; các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ để triển khai thực hiện đúng quy định./.

Nơi nhận

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Cường

PHỤ LỤC 1A
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ VÀ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số lượng người làm việc được giao, phê duyệt			Số lượng người làm việc hiện có			Số lượng người làm việc được giao, phê duyệt chưa tuyển dụng			Chỉ tiêu xét tuyển viên chức		
Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó	
	Số lượng người làm việc (BCSN) được giao tại Quyết định số 249 /QĐ-SNV	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được phê duyệt tại Quyết định 43/QĐ-SNV		Viên chức sự nghiệp	Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		Số lượng người làm việc (BCSN) được giao tại Quyết định số 249/ QĐ-SNV	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được phê duyệt tại Quyết định 43/QĐ-SNV		Viên chức sự nghiệp	Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
156	146	10	144	140 (Trong đó có 01 viên chức nghỉ hưu từ 01/9/2020; 02 viên chức nghỉ hưu từ 01/12/2020)	04	12	06	06	13	08 (02 chỉ tiêu thay thế viên chức nghỉ hưu năm 2020)	05

PHỤ LỤC 1B
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ VÀ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BA ĐỒN

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc được giao, phê duyệt			Số lượng người làm việc hiện có			Số lượng người làm việc được giao, phê duyệt chưa tuyển dụng			Chỉ tiêu xét tuyển viên chức			Ghi chú
		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
			Số lượng người làm việc (BCSN) được giao tại Quyết định số 249/QĐ-SNV	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được phê duyệt tại Quyết định 43/QĐ-SNV		Viên chức sự nghiệp	Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		Số lượng người làm việc (BCSN) được giao tại Quyết định số 249/QĐ-SNV	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được phê duyệt tại Quyết định 43/QĐ-SNV		Viên chức sự nghiệp	Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	
1	Các Khoa, Phòng (Không gồm phòng Dân số)	36	31	5	29	29	0	7	2	5	5	2	3	
2	Phòng Dân số	21	21		19	19		2	2		2	2		
3	Các Trạm Y tế	95	95		89	89		6	6		7	7		

3.1	Trạm Y tế phường Quảng Phúc	7	7		7	7							
3.2	Trạm Y tế phường Quảng Thuận	5	5		5	5					1	1	01 Điều dưỡng nghỉ hưu từ ngày 01/10/2020
3.3	Trạm Y tế phường Quảng Thọ	6	6		5	5		1	1		1	1	
3.4	Trạm Y tế phường Ba Đồn	6	6		5	5		1	1		1	1	
3.5	Trạm Y tế phường Quảng Long	5	5		4	4		1	1		1	1	
3.6	Trạm Y tế phường Quảng Phong	5	5		5	5							
3.7	Trạm Y tế xã Quảng Hải	5	5		5	5							
3.8	Trạm Y tế xã Quảng Lộc	7	7		7	7							
3.9	Trạm Y tế xã Quảng Tân	5	5		5	5							
3.10	Trạm Y tế xã Quảng Trung	7	7		6	6		1	1		1	1	
3.11	Trạm Y tế xã Quảng Tiên	5	5		5	5							
3.12	Trạm Y tế xã Quảng Thủy	5	5		4	4		1	1		1	1	
3.13	Trạm Y tế xã Quảng Sơn	7	7		7	7							
3.14	Trạm Y tế xã Quảng Hòa	8	8		8	8							
3.15	Trạm Y tế xã Quảng Minh	7	7		7	7							
3.16	Trạm Y tế xã Quảng Văn	5	5		4	4		1	1		1	1	
Tổng		152	147	5	137	137		15	10	5	14	11 (01 chỉ tiêu thay thế cán bộ nghỉ hưu)	3

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
A	CÁC VỊ TRÍ TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT					
I	VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP					
X.1	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III), mã số V.08.02.06	01	Bác sĩ Y học dự phòng khoa Phòng, chống bệnh không lây nhiễm.	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ Y học dự phòng.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.2	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III), mã số V.08.02.06	01	Quản lý sức khỏe trẻ em và phòng, chống suy dinh dưỡng	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ Y học dự phòng.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.3	Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12	01	Điều dưỡng phòng Khám đa khoa.	Đại học trở lên, ngành Điều dưỡng.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.4	Dược sĩ hạng III, mã số V.08.08.22	01	Dược sĩ tại khoa Dược - Vật tư y tế.	Đại học trở lên, ngành Dược.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.5	Kỹ sư (hạng III), mã số V.05.02.07	01	Kiểm nghiệm, xét nghiệm giám sát vi sinh, hóa lý khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng.	Đại học trở lên, ngành Hóa học, Sinh học, Công nghệ sinh học.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.6	Kỹ sư (hạng III), mã số V.05.02.07	01	Giám sát các yếu tố tác động môi trường khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học - Bệnh nghề nghiệp.	Đại học trở lên, ngành Công nghệ môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Hóa học.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.7	Kỹ sư (hạng III), mã số V.05.02.07	01	Quản lý phòng, chống ký sinh trùng, côn trùng tại khoa Ký sinh trùng - Côn trùng.	Đại học trở lên, ngành Sinh học, Công nghệ sinh học.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.8	Kế toán viên, mã số 06.031	01	Kế toán thu phí phòng Tài chính - Kế toán.	Đại học trở lên, ngành Tài chính, Kế toán, Kiểm toán.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
II	VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUỖNG LƯƠNG TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP					
X.9	Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12	01	Điều dưỡng phòng Khám đa khoa	Đại học trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.10	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng phòng Khám đa khoa	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.11	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	02	Kiểm dịch viên y tế thuộc khoa Kiểm dịch y tế quốc tế	Trung cấp, ngành Y sĩ	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.12	Kỹ thuật y hạng IV, mã số V.08.07.19	01	Kỹ thuật y khoa Ký sinh trùng - Côn trùng	Trung cấp trở lên, ngành Xét nghiệm y học	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
B	CÁC VỊ TRÍ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BA ĐỒN					
I	VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP					
X.13	Dược hạng IV, mã số V.08.08.23	01	Dược sĩ tại Khoa Cận lâm sàng - Dược	Trung cấp trở lên, ngành Dược	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.14	Hộ sinh hạng IV, mã số V.08.06.16	01	Hộ sinh tại Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung cấp trở lên, ngành Hộ sinh	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.15	Dân số viên hạng III, mã số V.08.10.28	01	Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tại Trung tâm	Có trình độ đại học trở lên chuyên ngành y tế công cộng, học định hướng dân số - kế hoạch hóa gia đình trong phần kiến thức bổ trợ; nếu có trình độ đại học trở lên là chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)
X.16	Dân số viên hạng IV, mã số V.08.10.29	01	Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tại xã Quảng Hải	Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành dân số - y tế trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số hoặc tương đương.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.17	Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12	01	Điều dưỡng tại Trạm Y tế phường Quảng Thuận	Đại học trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 2 (A2)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.18	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng tại Trạm Y tế phường Quảng Thọ	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.19	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sĩ tại Trạm Y tế phường Ba Đồn	Trung cấp, ngành Y sĩ đa khoa	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.20	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sĩ tại Trạm Y tế phường Quảng Long	Trung cấp, ngành Y sĩ Y học cổ truyền hoặc Y sĩ đa khoa có chứng chỉ Y học cổ truyền	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.21	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sĩ tại Trạm Y tế xã Quảng Trung	Trung cấp, ngành Y sĩ đa khoa	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.22	Hộ sinh hạng IV, mã số V.08.06.16	01	Hộ sinh tại Trạm Y tế xã Quảng Thủy	Trung cấp trở lên, ngành Hộ sinh	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.23	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng tại Trạm Y tế xã Quảng Văn	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
II	VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUỠNG LƯƠNG TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP					
X.24	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng tại Khoa Kiểm soát bệnh tật	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)
X.25	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và vacxin sinh phẩm tại Khoa Kiểm soát bệnh tật	Trung cấp, ngành Y sĩ đa khoa	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu		
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ
X.26	Dược hạng IV, mã số V.08.08.23	01	Dược sĩ tại Khoa Cận lâm sàng - Dược	Trung cấp trở lên, ngành Dược	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Bậc 1 (A1)

(Gồm có 27 chỉ tiêu/26 vị trí việc làm)

Ghi chú:

* *Trình độ tin học: Người dự tuyển có trình độ tin học đáp ứng yêu cầu của vị trí dự tuyển tại phụ lục này hoặc có trình độ tin học đáp ứng theo mục 2.3 phần II của kế hoạch này là đủ tiêu chuẩn về trình độ tin học.*

* *Trình độ ngoại ngữ: Người dự tuyển có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của vị trí dự tuyển tại phụ lục này hoặc có trình độ ngoại ngữ đáp ứng theo mục 2.2 phần II của kế hoạch này là đủ tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ.*

* *Đối với các vị trí tuyển dụng mà tại phần "Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo" có nhiều ngành, chuyên ngành thì thí sinh có tối thiểu 01 ngành hoặc chuyên ngành theo yêu cầu là đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn./.*

PHỤ LỤC 3 A
THỰC TRẠNG VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm					Số lượng người làm việc hiện có					Ghi chú
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó			
						IV	III	II			IV	III	II	
I	Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành			<u>6</u>	-	-	<u>2</u>	<u>4</u>	<u>6</u>	-	-	<u>3</u>	<u>3</u>	
A	Ban Giám đốc			<u>6</u>	-	-	<u>2</u>	<u>4</u>	<u>6</u>	-	-	<u>3</u>	<u>3</u>	
1	Giám đốc	Giám đốc	Bác sĩ chính	1				1	1				1	
2	Phó Giám đốc	Phó Giám đốc	Bác sĩ, Bác sĩ chính hoặc tương đương	5			2	3	5			3	2	
B	Trưởng, phó các khoa, phòng (số lượng được phân bổ theo hoạt động nghề nghiệp để đảm bảo cơ cấu)													
Trưởng các khoa, phòng														
1	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		1			1		
2	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Trưởng phòng	Kế toán viên hoặc tương đương	1			1		0					
3	Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	Trưởng phòng	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
4	Trưởng khoa Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1				1	

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm					Số lượng người làm việc hiện có					Ghi chú
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó			
						IV	III	II			IV	III	II	
5	Trưởng khoa Phòng, chống HIV/AIDS	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
6	Trưởng khoa Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
7	Trưởng khoa Dinh dưỡng	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		0					
8	Trưởng khoa Sức khô môi trường - Y tế trường học - Bệnh nghề nghiệp	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
9	Trưởng khoa Sức khỏe sinh sản	Trưởng khoa	Bác sĩ chính hoặc tương đương	1				1	1			1		
10	Trưởng khoa Truyền thông, giáo dục sức khỏe	Trưởng khoa	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		0					
11	Trưởng khoa Ký sinh trùng - Côn trùng	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
12	Trưởng khoa Kiểm dịch y tế quốc tế	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
13	Trưởng khoa Dược - Vật tư Y tế	Trưởng khoa	Dược sĩ chính hoặc tương đương	1				1	1			1		
14	Trưởng khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
15	Trưởng phòng Khám đa khoa	Trưởng phòng	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		0					
Phó Trưởng các khoa, phòng														
1	Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	2			2		3			3		
2	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Phó Trưởng phòng	Kế toán viên hoặc tương đương	2			2		3			3		01 Phụ trách

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm					Số lượng người làm việc hiện có					Ghi chú
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó			
						IV	III	II			IV	III	II	
3	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Ngh nghiệp vụ	Phó Trưởng phòng	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		0					
4	Phó Trưởng khoa Phòng, chống bệnh truyền nhiễm	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	2			2		2			2		
5	Phó Trưởng khoa Phòng, chống HIV/AIDS	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
6	Phó Trưởng khoa Phòng, chống bệnh không lây nhiễm	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ chính hoặc tương đương	1				1	2			1	1	
7	Phó Trưởng khoa Dinh dưỡng	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ chính hoặc tương đương	1				1	2			2		01 Phụ trách
8	Phó Trưởng khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học - BNN	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	2			2		2			2		
9	Phó Trưởng khoa Sức khỏe sinh sản	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		0					
10	Phó Trưởng khoa Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	Phó Trưởng khoa	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		3		1	2		
11	Phó Trưởng khoa Ký sinh trùng - Côn trùng	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		0					
12	Phó Trưởng khoa Kiểm dịch y tế quốc tế	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
13	Phó Trưởng khoa Dược - Vật tư Y tế	Phó Trưởng khoa	Dược sĩ hoặc tương đương	1			1		0					

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm					Số lượng người làm việc hiện có					Ghi chú
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó			
						IV	III	II			IV	III	II	
14	Phó Trưởng khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	2			2		1			1		
15	Phó Trưởng phòng Khám đa khoa	Phó Trưởng phòng	Bác sĩ hoặc tương đương	2			2		2			2		01 Phụ trách
II	Tên vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp			<u>129</u>	<u>0</u>	<u>39</u>	<u>86</u>	<u>4</u>	<u>113</u>	<u>0</u>	<u>36</u>	<u>74</u>	<u>3</u>	
1	Khoa Phòng, chống bệnh truyền nhiễm			11	0	1	10		11		1	9	1	
1.1	Bác sĩ		Bác sĩ	3			3		3			3		
1.2	Bác sĩ Y học dự phòng		Bác sĩ Y học dự phòng	3			3		3			2	1	
1.3	Giám sát		Y tế công cộng hoặc tương đương	4			4		4			4		
1.4	Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và vacxin sinh phẩm		Điều dưỡng hoặc tương đương	1		1			1		1			
2	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS			8		1	7		8		1	7		
2.1	Quản lý điều trị		Bác sĩ hoặc tương đương	2			2		2			2		
2.2	Tư vấn		Công tác xã hội hoặc tương đương	2			2		2			2		
2.3	Giám sát		Y tế công cộng hoặc tương đương	3			3		3			3		
2.4	Quản lý chương trình sức khoẻ cộng đồng		Điều dưỡng hoặc tương đương	1		1			1		1			

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm					Số lượng người làm việc hiện có					Ghi chú
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó			
						IV	III	II			IV	III	II	
3	Khoa Phòng, chống bệnh không lây nhiễm			6			5	1	5			4	1	
3.1	Bác sĩ		Bác sĩ, Bác sĩ chính	3			2	1	3			2	1	
3.2	Bác sĩ Y học dự phòng		Bác sĩ Y học dự phòng	2			2		1			1		
3.3	Quản lý chương trình sức khoẻ cộng đồng		Điều dưỡng hoặc tương đương	1			1		1			1		
4	Khoa Dinh dưỡng			8		3	4	1	5		3	2		
4.1	Quản lý sức khoẻ trẻ em và phòng, chống suy dinh dưỡng		Bác sĩ y học dự phòng	2			2		0					
4.2	Dinh dưỡng		Dinh dưỡng hoặc tương đương	6		3	2	1	5		3	2		
5	Khoa Sức khoẻ môi trường - Y tế trường học - Bệnh nghề nghiệp			13		3	10		12		3	9		
5.1	Quản lý sức khỏe y tế trường học		Bác sĩ hoặc tương đương	2			2		2			2		
5.2	Giám sát các yếu tố tác động môi trường		Kỹ sư hoặc tương đương	4			4		3			3		
5.3	Giám sát sức khỏe cộng đồng		Y sĩ hoặc tương đương	1		1			1		1			
5.4	Quản lý sức khỏe người lao động		Bác sĩ hoặc tương đương	2			2		2			2		
5.5	Quản lý bệnh nghề nghiệp		Y sĩ hoặc tương đương	2		2			2		2			
5.6	Giám sát môi trường lao động		Y tế công cộng hoặc tương đương	2			2		2			2		

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm					Số lượng người làm việc hiện có					Ghi chú
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó			
						IV	III	II			IV	III	II	
6	Khoa Sức khỏe sinh sản			7		5	1	1	6		5	1		
6.1	Bác sĩ		Bác sĩ	2			1	1	1			1		
6.2	Hộ sinh		Hộ sinh	5		5			5		5			
7	Khoa Truyền thông - Giáo dục sức khỏe			5		1	4		5		1	4		
7.1	Thông tin - truyền thông giáo dục		Cán sự, Chuyên viên hoặc tương đương	5		1	4		5		1	4		
8	Khoa Ký sinh trùng - Côn trùng			9		3	6		6		2	4		
8.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		0			0		
8.2	Kỹ thuật y		Kỹ thuật y	3		3			2		2			
8.3	Quản lý phòng, chống ký sinh trùng, côn trùng		Kỹ sư hoặc tương đương	3			3		2			2		
8.4	Giám sát tác nhân, yếu tố nguy cơ gây bệnh		Y tế công cộng hoặc tương đương	2			2		2			2		
9	Khoa Kiểm dịch y tế quốc tế			11		6	5		9		4	5		
9.1	Kiểm dịch viên y tế		Bác sĩ hoặc tương đương	5			5		5			5		
			Y sĩ hoặc tương đương	6		6			4		4			

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm					Số lượng người làm việc hiện có					Ghi chú
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó			
						IV	III	II			IV	III	II	
10	Khoa Dược - Vật tư y tế			6		2	3	1	5		2	2	1	
10.1	Dược		Dược, Dược sĩ, Dược sĩ chính	4		1	2	1	3		1	1	1	
10.2	Vật tư y tế		Dược, Dược sĩ hoặc tương đương	2		1	1		2		1	1		
11	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng			22		6	16		21		6	15		
11.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
11.2	Kỹ thuật y		Kỹ thuật y	10		5	5		10		5	5		
11.3	Quản lý nhận và trả kết quả xét nghiệm		Điều dưỡng hoặc tương đương	2		1	1		2		1	1		
11.4	Kiểm nghiệm, xét nghiệm và giám sát vi sinh, hóa lý		Kỹ sư hoặc tương đương	9			9		8			8		
12	Phòng Khám đa khoa			23		8	15		20		8	12		
12.1	Bác sĩ		Bác sĩ	9			9		8			8		
12.2	Bác sĩ Y học dự phòng		Bác sĩ Y học dự phòng	1			1		1			1		
12.3	Điều dưỡng		Điều dưỡng	10		5	5		8		5	3		01 Điều dưỡng hạng IV nghỉ hưu từ ngày 01/12/2020.
12.4	Y sĩ		Y sĩ	2		2			2		2			

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm					Số lượng người làm việc hiện có					Ghi chú
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó			
						IV	III	II			IV	III	II	
12.5	Dược		Dược	1		1			1		1			
IV	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ			<u>35</u>	<u>9</u>	<u>2</u>	<u>24</u>	-	<u>32</u>	<u>9</u>	<u>2</u>	<u>21</u>	<u>0</u>	
1	Phòng Tổ chức - Hành chính			14	8	1	5		14	8	1	5		
1.1	Tổ chức nhân sự		Chuyên viên hoặc tương đương	3			3		3			3		
1.2	Hành chính tổng hợp, quản trị		Chuyên viên hoặc tương đương	2			2		2			2		
1.3	Văn thư lưu trữ		Cán sự hoặc tương đương	1		1			1		1			
1.4	Y công		Nhân viên	1	1				1	1				
1.5	Lái xe		Nhân viên	4	4				4	4				
1.6	Tạp vụ		Nhân viên	1	1				1	1				
1.7	Bảo vệ		Nhân viên	2	2				2	2				
2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ			7			7		6			6		
2.1	Chỉ đạo tuyến và nghiên cứu khoa học		Bác sĩ, chuyên viên hoặc tương đương	2			2		2			2		
2.2	Kế hoạch tổng hợp		Chuyên viên hoặc tương đương	4			4		4			4		
2.3	Công nghệ thông tin		Quản trị viên hệ thống hoặc tương đương	1			1							

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm					Số lượng người làm việc hiện có					Ghi chú
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó			
						IV	III	II			IV	III	II	
3	Phòng Tài chính - Kế toán			13		1	12		11		1	10		
3.1	Tài chính kế toán		Kế toán viên	1			1		1			1		
3.2	Kế toán thu phí		Kế toán viên	4			4		3			3		
3.3	Kế toán vật tư, thanh toán, tài sản, tổng hợp, kế toán lương		Kế toán viên	7			7		6			6		
3.4	Thủ quỹ		Kế toán viên trung cấp hoặc tương đương	1		1			1		1			
4	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng			1	1				1	1				
4.1	Hộ lý		Nhân viên	1	1				1	1				
Tổng				170	9	41	112	8	151	9	38	98	6	

PHỤ LỤC 3 B
THỰC TRẠNG VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BA ĐƠN

PHẦN I. VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI CÁC KHOA, PHÒNG THUỘC TRUNG TÂM

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp theo Đề án vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có theo Đề án vị trí việc làm				
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó		
						IV	III	II			IV	III	II
I	Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành			<u>3</u>			<u>2</u>	<u>1</u>	<u>3</u>			<u>2</u>	<u>1</u>
1	Giám đốc	Giám đốc	Bác sĩ hoặc tương đương	1				1	1				1
2	Phó Giám đốc	Phó Giám đốc	Bác sĩ hoặc tương đương	2			2		2			2	
Trưởng, phó các khoa, phòng (Số lượng được phân bổ theo vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp để đảm bảo cơ cấu)													
3	Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		1			1	
4	Trưởng khoa Kiểm soát bệnh tật	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
5	Trưởng khoa Cận lâm sàng - Dược	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1				1	1			1	
6	Trưởng khoa Y tế công cộng	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	

7	Trưởng khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
8	Trưởng phòng Dân số	Trưởng phòng	Dân số viên	1			1		1			1	
9	Phó trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Phó trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		1			1	
10	Phó trưởng khoa Kiểm soát bệnh tật	Phó trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
11	Phó trưởng khoa Cận lâm sàng - Dược	Phó trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
12	Phó trưởng khoa Y tế công cộng	Phó trưởng khoa	Y tế công cộng hoặc tương đương	1			1		1			1	
13	Phó trưởng khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Phó trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
14	Phó trưởng phòng Dân số	Phó trưởng phòng	Dân số viên	1			1						
II	Tên vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp			<u>49</u>		<u>32</u>	<u>16</u>	<u>1</u>	<u>42</u>		<u>28</u>	<u>14</u>	<u>0</u>
1	Khoa Kiểm soát bệnh tật			<u>9</u>		<u>6</u>	<u>3</u>	<u>0</u>	<u>7</u>		<u>4</u>	<u>3</u>	
1.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1	
1.2	Bác sĩ y học dự phòng		Bác sĩ y học dự phòng	1			1		1			1	
1.3	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2			1		1		
1.4	Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS		Y sĩ hoặc tương đương	2		2			2		2		
1.5	Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và vacxin sinh phẩm		Điều dưỡng hoặc tương đương	2		2			1		1		
1.6	Chỉ đạo tuyến		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	

2	Khoa Cận lâm sàng - Dược			<u>7</u>		<u>4</u>	<u>2</u>	<u>1</u>	<u>5</u>		<u>4</u>	<u>1</u>	<u>0</u>
2.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1				1	1			1	
2.2	Kỹ thuật y		Kỹ thuật y	3		1	2		3		3		
2.3	Dược		Dược	3		3			1		1		
2.4	Tư vấn, xét nghiệm (kiêm nhiệm)		Kỹ thuật y hoặc tương đương										
2.5	Chỉ đạo tuyến (kiêm nhiệm)		Bác sĩ hoặc tương đương										
3	Khoa Y tế công cộng			<u>7</u>		<u>3</u>	<u>4</u>	<u>0</u>	<u>7</u>		<u>3</u>	<u>4</u>	<u>0</u>
3.1	Bác sĩ y học dự phòng		Bác sĩ y học dự phòng	1			1		1			1	
3.2	Y tế công cộng		Y tế công cộng	1			1		1			1	
3.3	Dinh dưỡng		Dinh dưỡng hoặc tương đương	1		1			1		1		
3.4	Quản lý chương trình sức khỏe cộng đồng		Điều dưỡng hoặc tương đương	2		2			2		2		
3.5	An toàn thực phẩm		Thực phẩm hoặc tương đương	2			2		2			2	
3.6	Quản lý sức khỏe trẻ em và phòng, chống suy dinh dưỡng (kiêm nhiệm)		Điều dưỡng hoặc tương đương										
3.7	Truyền thông giáo dục sức khỏe (kiêm nhiệm)		Y tế công cộng hoặc tương đương										
3.8	Chỉ đạo tuyến (kiêm nhiệm)		Bác sĩ hoặc tương đương										
4	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản			<u>5</u>		<u>3</u>	<u>2</u>	<u>0</u>	<u>4</u>		<u>2</u>	<u>2</u>	<u>0</u>

4.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1	
4.2	Hộ sinh		Hộ sinh	2		2			1		1		
4.3	Chăm sóc sức khỏe sinh sản		Hộ sinh hoặc tương đương	1		1			1		1		
4.4	Chỉ đạo tuyến		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
5	Phòng Dân số			<u>21</u>		<u>16</u>	<u>5</u>	<u>0</u>	<u>19</u>		<u>15</u>	<u>4</u>	<u>0</u>
5.1	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tại trung tâm		Dân số viên	5			5		4			4	
5.2	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tại phường Quảng Phúc		Dân số viên	1		1			1		1		
5.3	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tại phường Quảng Thuận		Dân số viên	1		1			1		1		
5.4	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tại phường Quảng Thọ		Dân số viên	1		1			1		1		
5.5	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tại phường Ba Đồn		Dân số viên	1		1			1		1		
5.6	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tại phường Quảng Long		Dân số viên	1		1			1		1		
5.7	Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình tại phường Quảng Phong		Dân số viên	1		1			1		1		
5.8	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tại xã Quảng Hải		Dân số viên	1		1							
5.9	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tại xã Quảng Lộc		Dân số viên	1		1			1		1		
5.10	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tại xã Quảng Tân		Dân số viên	1		1			1		1		

[illegible]

1.7	Thủ quỹ (kiêm nhiệm)		Kế toán viên trung cấp hoặc tương đương										
1.8	Văn thư lưu trữ (kiêm nhiệm)		Văn thư lưu trữ										
1.9	Y công (kiêm nhiệm)		Nhân viên										
1.10	Lái xe		Nhân viên	1	1				1	1			
1.11	Tạp vụ		Nhân viên	1	1				1	1			
1.12	Sửa chữa hệ thống điện, nước (kiêm nhiệm)		Nhân viên										
1.13	Vệ sinh, chăm sóc bảo vệ cảnh quan cơ quan, (kiêm nhiệm)		Nhân viên										
1.14	Bảo vệ (Hợp đồng thời vụ)		Nhân viên										
TỔNG SỐ				<u>61</u>	<u>2</u>	<u>32</u>	<u>25</u>	<u>2</u>	<u>50</u>	<u>2</u>	<u>28</u>	<u>19</u>	<u>1</u>

PHẦN II. VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG THUỘC TRUNG TÂM

TT	Danh mục vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc cần thiết đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp theo Đề án vị trí việc làm					Số lượng viên chức hiện có theo Đề án vị trí việc làm					Ghi chú
				Tổng số	Khác	Trong đó			Tổng số	Khác	Trong đó			
						IV	III	II			IV	III	II	
A	Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành (Số lượng được phân bổ theo vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp để đảm bảo cơ cấu)													
I	Vị trí cấp Trưởng Trạm Y tế xã, phường													
1	Trưởng trạm y tế phường Quảng Phúc	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		

2	Trưởng trạm y tế phường Quảng Thuận	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
3	Trưởng trạm y tế phường Quảng Thọ	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
4	Trưởng trạm y tế phường Ba Đồn	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1		1			
5	Trưởng trạm y tế phường Quảng Long	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
6	Trưởng trạm y tế phường Quảng Phong	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
7	Trưởng trạm y tế xã Quảng Hải	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1		1			
8	Trưởng trạm y tế xã Quảng Lộc	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1		1			
9	Trưởng trạm y tế xã Quảng Tân	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
10	Trưởng trạm y tế xã Quảng Trung	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
11	Trưởng trạm y tế xã Quảng Tiên	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1		1			
12	Trưởng trạm y tế xã Quảng Thủy	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
13	Trưởng trạm y tế xã Quảng Sơn	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
14	Trưởng trạm y tế xã Quảng Hòa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
15	Trưởng trạm y tế xã Quảng Minh	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
16	Trưởng trạm y tế xã Quảng Văn	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		

II		Vị trí cấp Phó Trưởng Trạm Y tế xã, phường												
1	Phó trưởng trạm y tế phường Quảng Phúc	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
2	Phó trưởng trạm y tế phường Quảng Thuận	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
3	Phó trưởng trạm y tế phường Quảng Thọ	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
4	Phó trưởng trạm y tế phường Ba Đồn	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
5	Phó trưởng trạm y tế phường Quảng Long	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
6	Phó trưởng trạm y tế phường Quảng Phong	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
7	Phó trưởng trạm y tế xã Quảng Hải	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
8	Phó trưởng trạm y tế xã Quảng Lộc	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
9	Phó trưởng trạm y tế xã Quảng Tân	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
10	Phó trưởng trạm y tế xã Quảng Trung	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
11	Phó trưởng trạm y tế xã Quảng Tiên	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
12	Phó trưởng trạm y tế xã Quảng Thủy	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
13	Phó trưởng trạm y tế xã Quảng Sơn	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
14	Phó trưởng trạm y tế xã Quảng Hòa	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							

15	Phó trưởng trạm y tế xã Quảng Minh	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
16	Phó trưởng trạm y tế xã Quảng Văn	Phó trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
B	Tên vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp			<u>95</u>		<u>73</u>	<u>22</u>		<u>89</u>		<u>68</u>	<u>21</u>		
1	Trạm y tế phường Quảng Phúc			<u>7</u>		<u>5</u>	<u>2</u>		<u>7</u>		<u>5</u>	<u>2</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Bác sĩ y học dự phòng		Bác sĩ y học dự phòng	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2			2		2			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
2	Trạm y tế phường Quảng Thuận			<u>5</u>		<u>3</u>	<u>2</u>		<u>5</u>		<u>3</u>	<u>2</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1			1		1			1		Nghỉ hưu từ ngày 01/10/2020
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			

3	Trạm y tế phường Quảng Thọ			<u>6</u>		<u>5</u>	<u>1</u>		<u>5</u>		<u>4</u>	<u>1</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1								
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1			
4	Trạm y tế phường Ba Đồn			<u>6</u>		<u>5</u>	<u>1</u>		<u>5</u>		<u>4</u>	<u>1</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1								
5	Trạm y tế phường Quảng Long			<u>5</u>		<u>4</u>	<u>1</u>		<u>4</u>		<u>3</u>	<u>1</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1								

6	Trạm y tế phường Quảng Phong			<u>5</u>		<u>3</u>	<u>2</u>		<u>5</u>		<u>3</u>	<u>2</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1			1		1			1		
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
7	Trạm y tế xã Quảng Hải			<u>5</u>		<u>4</u>	<u>1</u>		<u>5</u>		<u>4</u>	<u>1</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
8	Trạm y tế xã Quảng Lộc			<u>7</u>		<u>6</u>	<u>1</u>		<u>7</u>		<u>6</u>	<u>1</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2			2		2			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1			

9	Trạm y tế xã Quảng Tân			<u>5</u>		<u>4</u>	<u>1</u>		<u>5</u>		<u>4</u>	<u>1</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
10	Trạm y tế xã Quảng Trung			<u>7</u>		<u>5</u>	<u>2</u>		<u>6</u>		<u>4</u>	<u>2</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Bác sĩ y học dự phòng		Bác sĩ y học dự phòng	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1								
11	Trạm y tế xã Quảng Tiên			<u>5</u>		<u>4</u>	<u>1</u>		<u>5</u>		<u>5</u>	<u>0</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1							
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			

	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ						1		1			
12	Trạm y tế xã Quảng Thủy			<u>5</u>		<u>3</u>	<u>2</u>		<u>4</u>		<u>2</u>	<u>2</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Bác sĩ y học cổ truyền		Bác sĩ y học cổ truyền	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1								
13	Trạm y tế xã Quảng Sơn			<u>7</u>		<u>6</u>	<u>1</u>		<u>7</u>		<u>6</u>	<u>1</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2			2		2			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1			
14	Trạm y tế xã Quảng Hòa			<u>8</u>		<u>6</u>	<u>2</u>		<u>8</u>		<u>6</u>	<u>2</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		

	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2			2		2			
	Hộ sinh		Hộ sinh	2		1	1		2		1	1		
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1			
15	Trạm y tế xã Quảng Minh			<u>7</u>		<u>6</u>	<u>1</u>		<u>7</u>		<u>6</u>	<u>1</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2			2		2			
	Hộ sinh		Hộ sinh	2		2			2		2			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
16	Trạm y tế xã Quảng Văn			<u>5</u>		<u>4</u>	<u>1</u>		<u>4</u>		<u>3</u>	<u>1</u>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1								
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 4
CƠ CẤU BỘ PHẬN, CƠ CẤU CHUYÊN MÔN TẠI CÁC
KHOA, PHÒNG THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BA ĐỒN
(Không bao gồm Phòng Dân số và HD 68)

TT	Cơ cấu	Tỷ lệ quy định theo Thông tư 08/2007/TTLT- BYT-BNV	Tỷ lệ hiện có	Tỷ lệ sau tuyển dụng
A	Cơ cấu bộ phận			
1	Chuyên môn	60 - 65%	18/29=62,1%	20/33=60,6%
2	Xét nghiệm - Cận lâm sàng - Dược	20%	5/29=17,2%	7/33=21,2%
3	Quản lý, hành chính	15 - 20%	6/29=20,7%	6/33=18,2%
B	Cơ cấu chuyên môn			
1	Bác sĩ	$\geq 20\%$	9/29=31,0%	9/33=27,3%
2	Kỹ thuật xét nghiệm	$\geq 10\%$	3/29=10,3%	3/33=9,1%

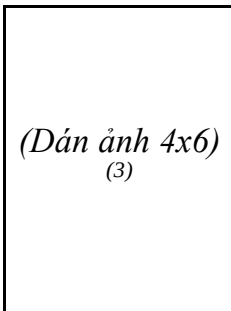
PHỤ LỤC 5. KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

T T	Đơn vị	Báo cáo khả năng tài chính (Đ/v tính: Triệu đồng)														
		Ngân sách cấp					Thu sự nghiệp					Phần được trích lại từ nguồn thu để chi cho hoạt động (*)				
		2018	2019	2020	KH 2022	KH 2022	2018	2019	2020	KH 2022	KH 2022	2018	2019	2020	KH 2022	KH 2022
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Chưa thành lập		19.473	21.420	23.562	Chưa thành lập		10.000	11.000	12.100	Chưa thành lập		840	924	1017
2	Trung tâm Y tế thị xã Ba Đồn	12.938	15.685	16.326	20.000	20.000	2.056	2.792	2.500	2.500	2.600	1.814	2.570	2.280	2.280	2.300

(*) chi trả tất cả các khoản cho người lao động, viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm



PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí dự tuyển⁽¹⁾:
.....
Đơn vị dự tuyển⁽²⁾:
.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:.....	Nam ☐	Nữ ☐
Ngày, tháng, năm sinh:.....		
Dân tộc:..... Tôn giáo:.....		
Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân:..... Ngày cấp:.....		
Nơi cấp:.....		
Số điện thoại di động để báo tin:.....		
Email:.....		
Quê quán:.....		
Hộ khẩu thường trú:.....		
Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....		
Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:....., Cân nặng:..... kg		
Thành phần bản thân hiện nay:.....		
Trình độ văn hóa:.....		
Trình độ chuyên môn:		
Loại hình đào tạo:.....		

II. THÔNG TIN ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

III. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do:

Miễn thi tin học do:

IV. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này).

Đăng ký dự thi ngoại ngữ:

V. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.